TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **176**/2026/QĐST-HNGĐ	*An Giang, ngày 15 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 289/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị Kim S**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp H2, xã Quới A, tỉnh V.

- *Bị đơn:* Ông **Phạm Thế Đ,** sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 49 Phạm Ngọc Thạch, tổ 4, ấp Đ, xã T, tỉnh A.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các điều 55, 57 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự tự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Võ Thị Kim S và ông Phạm Thế Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Bà Võ Thị Kim S và ông Phạm Thế Đ xác định không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Bà Võ Thị Kim S và ông Phạm Thế Đ xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà Võ Thị Kim S và ông Phạm Thế Đ cùng cam kết là ông bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Về án phí ly hôn sơ thẩm:* Với số tiền là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) bà S tự nguyện nộp nhưng bà được khấu trừ số tiền án phí tự nguyện

nộp vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 305370 ngày 15/4/2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - A, bà S được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí còn thừa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 3, AG;
- UBND xã T, AG;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Danh Phạm Ngọc Khánh